

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2025/TLST – KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A)

Trụ sở chính: D N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị T – Giám đốc xử lý nợ

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Trần Đăng H – Chuyên viên xử lý nợ. Theo Giấy uỷ quyền số 4827/UQ-CNTL24 ngày 18/12/2024

Địa chỉ: Số D N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn:

- Ông Lê Minh H1, sinh năm: 1973

- Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 1975

Đại diện theo uỷ quyền của bà V: Ông Lê Minh H1, sinh năm: 1973

Đều có địa chỉ: Thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Minh H1 và bà Nguyễn Thị Tường V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số VLM.CN.927.050523 ngày 05/5/2023, Hợp đồng cấp tín dụng số VLM.CN.926.050523 ngày 05/5/2023, các giấy đề nghị giải ngân kèm

chứng từ nhận nợ có trong hợp đồng tín dụng, 02 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/4/2023, tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 14/5/2025 là 1.635.920.706 đồng (một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi nghìn, bảy trăm linh sáu đồng), trong đó gồm:

- Nợ gốc 1.402.677.589 đồng (một tỷ, bốn trăm linh hai triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng)
- Nợ lãi trong hạn 24.214.795 đồng (hai mươi tư triệu, hai trăm mười bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng)
- Nợ lãi quá hạn 206.623.759 đồng (hai trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng)
- Phạt chậm trả lãi 2.404.563 đồng (hai triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng)

Kể từ ngày 15/5/2025, ông Lê Minh H1 và bà Nguyễn Thị Tường V còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á cho đến ngày trả hết nợ.

2.2. Phương án trả nợ:

- Chậm nhất đến 25/5/2025, ông H1 và bà V có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho ngân hàng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- Chậm nhất đến 25/6/2025, ông H1 và bà V có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho ngân hàng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- Chậm nhất đến 25/7/2025, ông H1 và bà V có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho ngân hàng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- Chậm nhất đến 25/8/2025, ông H1 và bà V có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho ngân hàng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- Chậm nhất đến 25/9/2025, ông H1 và bà V có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số nợ còn lại bao gồm:
 - + Nợ gốc 1.362.677.589 đồng (một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng)
 - + Nợ lãi trong hạn 24.214.795 đồng (hai mươi tư triệu, hai trăm mười bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng)
 - + Nợ lãi quá hạn 206.623.759 đồng (hai trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng)
 - + Phạt chậm trả lãi 2.404.563 đồng (hai triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng)
 - + Phạt chậm trả lãi, nợ lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả (theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng) kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này.

Ghi nhận: Nếu ông H1 và bà V có điều kiện thì sẽ trả số tiền nhiều hơn số tiền thỏa thuận cố định hàng tháng nêu trên và được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước.

2.3. Trường hợp ông Lê Minh H1 và bà Nguyễn Thị Tường V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo lịch trình trả nợ nêu trên thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 15, diện tích 300 m² tại thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN414135 do UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/11/2008 mang tên ông Lê Minh H1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ thanh toán thì ông H1 và bà V vẫn phải thanh toán khoản nợ còn lại cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

2.4. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh H1 và bà Nguyễn Thị Tường V chịu 30.538.800 đồng (ba mươi triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền 28.596.000 đồng (hai mươi tám triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 3989 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

2.5. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Minh H1 và bà Nguyễn Thị Tường V có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền chi phí tố tụng là 442.000 đồng (bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa là 9.558.000 đồng (chín triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Văn Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười